TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;

2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2019/TLST-HN&GĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị S, sinh năm 1992, nơi cư trú: số 19, tổ 12, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1991, nơi cư trú: số 348, tổ 9, khóm V, phường Vĩnh N, thành phố C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị S trình bày: Bà S và ông N tự quen biết và đi đến hôn nhân năm 2012, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và bà S có nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng sau đó rút lại yêu cầu khởi kiện để vợ chồng có thời gian hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Nay, cuộc sống chung giữa vợ

chồng không còn hòa hợp, tình cảm vợ chồng đã không còn, bà S yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà S và ông N có 01 con chung tên Lê Hoàng Ái V, sinh ngày 22/8/2015, bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông N vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Võ Thị S và ông Lê Hoàng N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong thời gian sống chung, bà S và ông N thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau, năm 2018, bà S đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút lại đơn, hiện tại không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà S yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà S và ông N có 01 con chung tên Lê Hoàng Ái V, sinh ngày 22/8/2015 hiện do bà S nuôi dạy, bà S hiện có công việc thu nhập ổn định, có nguyện vọng tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, yêu cầu của bà S là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Võ Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng N. Ông N cư trú tại khóm Vĩnh Chánh 2, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà S có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa; ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N, bà S.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị S và ông Lê Hoàng N chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện An Phú theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/HT, quyển số 01/2013 ngày 22/01/2013 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng bà S, ông N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay, bà S, ông N mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Ngày 12/01/2020, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến bà Nguyễn Thị Mỹ C là mẹ ruột của ông N, bà C cho biết: Bà có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho ông N nhưng hiện ông N đang đi làm ở xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, ông N có điện thoại nói với bà vợ chồng N có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên nếu S yêu cầu ly hôn thì N đồng ý; về con chung N đồng ý giao cháu V cho S nuôi dưỡng, N không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung,nợ chung của vợ chồng thì không có.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà S với ông N là trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc ly hôn với ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà S, ông N cùng xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoàng Ái V, sinh ngày 22/8/2015 theo trích lục khai sinh số 205/TLKS-BS ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đa

Phước, huyện An Phú cấp. Từ khi sinh ra đến nay, cháu V sống cùng với bà S, đến năm 2018 khi bà S, ông N không còn chung sống với nhau thì bà S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Bà S có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, ông N cũng có ý kiến đồng ý giao cháu V cho bà S tiếp tục nuôi dạy. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu Lê Hoàng Ái V, sinh ngày 22/8/2015 cho bà S tiếp tục nuôi dạy.

Bà Võ Thị S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Hoàng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Bà S có quyền khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có).

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Võ Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà S đã nộp.

Ông Lê Hoàng N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị S được ly hôn với ông Lê Hoàng N.

[2] Về con chung:

Bà Võ Thị S được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Hoàng Ái V, sinh ngày 22/8/2015.

Bà Võ Thị S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Hoàng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Võ Thị S phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0003445 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà S đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Hoàng N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 10/HT, quyển số 01/2013 ngày 22/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Võ Thị S, ông Lê Hoàng N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Ngọc Tiền